

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT PAN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT PAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET PAN CORPORATION

Tên công ty viết tắt: VIET PAN.,CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0107144935

3. Ngày thành lập: 30/11/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 38, ngõ 2/29 đường Phương Canh, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu (trừ loại nhà nước cấm)	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
20.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
21.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
22.	Chăn nuôi dê, cừu	0144

23.	Chăn nuôi lợn	0145
24.	Chăn nuôi gia cầm	0146
25.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
26.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
27.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
28.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
29.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
30.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
31.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
32.	Khai thác gỗ	0221
33.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
34.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
35.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
36.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
37.	Khai thác và thu gom than non	0520
38.	Khai thác quặng sắt	0710
39.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
40.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
41.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
42.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
45.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
46.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
47.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
48.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
49.	Bán buôn tổng hợp	4690
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
53.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
54.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
57.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

58.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620(Chính)
59.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
60.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
61.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
62.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
64.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4799
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
66.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
67.	Điều hành tua du lịch	7912
68.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	Tổ dân phố số 2, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	144.000	1.440.000.000	80	012201510	
			Tổng số	144.000	1.440.000.000	80		
2	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	Thôn Tây Thuận, Xã Hồng Quỳnh, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	15	151726766	
			Tổng số	27.000	270.000.000	15		

3	HOÀNG GIANG ĐÔNG	Tổ dân phố Đội Cần, Thị trấn Vĩnh Tường, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000	90.000.000	5	0260900004 85	
			Tổng số	9.000	90.000.000	5		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 29/04/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012201510

Ngày cấp: 04/11/2010

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Tổ dân phố số 2, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Tổ dân phố số 2, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội